

THÔNG BÁO

Công khai tình hình thực hiện kế hoạch danh mục công trình đầu tư 6 tháng đầu năm 2020

Thực hiện Công văn số 2669/UBND-VP ngày 12/6/2020 của UBND huyện Đăk Song về việc báo cáo việc thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên trang thông tin điện tử.

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đăk Song Thông báo tình hình thực hiện kế hoạch danh mục đầu tư tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 là:

Bổ sung, điều chỉnh tăng là :

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là

Trong đó:

1. Nguồn vốn huyện quản lý:

a) Vốn phân bổ trả nợ 30 công trình:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là

b) Vốn phân bổ 16 công trình chuyển tiếp:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

c) Vốn phân bổ cho 17 công trình mở mới:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

d) Vốn sự nghiệp phân bổ 1 công trình:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

đ) Vốn phân bổ 1 công trình chuẩn bị đầu tư:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh giao trực tiếp:

a) Vốn phân bổ trả nợ 7 công trình:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là

b) Vốn phân bổ 2 công trình chuyển tiếp:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

c) Vốn phân bổ bổ sung có mục tiêu 3 công trình:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương:

a) Vốn phân bổ 2 công trình chuyển tiếp:

- Lũy kế đã giải ngân đến 15/6/2020 là:

4. Nguồn vốn Chương trình MTQG năm 2020: 14,292 tỷ đồng,

Bổ sung, điều chỉnh tăng là:

113,887 tỷ đồng,

131,837 tỷ đồng

60,451 tỷ đồng, đạt 46%.

53,145 tỷ đồng, gồm:

21,456 tỷ đồng

14,303 tỷ đồng, đạt 67%

13,578 tỷ đồng

8,504 tỷ đồng, đạt 63%

17,810 tỷ đồng,

8,463 tỷ đồng, đạt 48%

2,5 tỷ đồng

1,478 tỷ đồng, đạt 59%

0,3 tỷ đồng

0 tỷ đồng, đạt 0%

10,450 tỷ đồng, gồm:

1,95 tỷ đồng

0 tỷ đồng, đạt 0%

8,5 tỷ đồng

3,467 tỷ đồng, đạt 41%

6,450 tỷ đồng,

0 tỷ đồng, đạt 0%

41 tỷ đồng, gồm:

41 tỷ đồng

24,784 tỷ đồng, đạt 60%

17,792 tỷ đồng, gồm:



- a) Vốn phân bổ Chương trình XD nông thôn mới: 15,998 tỷ đồng
 - Lũy kế đã giải ngân đến ngày 15/6/2020 là 0,8 tỷ đồng, đạt 5%.
 b) Chương trình giảm nghèo bền vững: 1,794 tỷ đồng
 + Lũy kế đã giải ngân đến ngày 15/6/2020 là 0 đồng
- (Chi tiết có danh mục kèm theo)*

II. Điều chỉnh kế hoạch dự kiến đầu tư công năm 2020.

Trong 6 tháng đầu năm để đảm bảo kế hoạch vốn được giải ngân kịp thời, tránh lãng phí nguồn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.

1. Bổ sung 3 công trình trong kế hoạch năm 2020. Gồm:

- Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện Đăk Song xin bổ sung công trình: Quy hoạch phân lô chi tiết khu đất tại tổ dân phố 6 thị trấn Đức An, huyện Đăk Song, hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông

- Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện Đăk Song xin bổ sung 3 công trình: Đường giao thông thị trấn Đức An đi xã Đăk N'Drung - giai đoạn 2; Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND&UBND huyện Đăk Song, hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng, nhà công vụ; Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ trung tâm xã Thuận Hạnh đi Đồn 765 huyện Đăk Song.

2. Bổ sung, điều chỉnh vốn 18 công trình trong kế hoạch năm 2020, gồm:

- Bổ sung kế hoạch vốn năm 2020 với tổng số tiền 5 tỷ đồng, cho 4 công trình trên địa bàn bằng nguồn vốn phân cấp hỗ trợ phát triển đô thị năm 2020.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 với tổng số tiền 3,758 tỷ đồng, cho 11 công trình.

- Bổ sung vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 3,5 tỷ đồng, cho 3 công trình.

III. Đánh giá tình hình thực hiện.

- Được sự quan tâm chỉ đạo từ Huyện ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, công tác điều hành của Ủy ban nhân dân huyện đổi với các chủ đầu tư quản lý dự án đã chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư công. Đã tạo bước chuyển biến tích cực đáng ghi nhận trong đầu tư công trên địa bàn huyện như: Hiệu quả đầu tư được nâng lên rõ rệt, đã giải quyết tình trạng đầu tư dàn trải, đầu tư theo đúng nguyện vọng của người dân và đưa các dự án vào khai thác, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Từng bước nâng cao trình độ dân trí, đời sống tinh thần cho người dân ở các xã đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các lĩnh vực khác phát triển, ổn định cuộc sống, an ninh chính trị, góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo quy định.

- Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được còn tồn tại những khó khăn như:

+ Việc quyết định bổ sung giao vốn đầu tư từ cấp trên chậm, nhiều lần, công tác giải phóng mặt bằng thi công còn vướng mắc dẫn đến việc giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia chậm so với kế hoạch đầu tư.

+ Năng lực của một số đơn vị cấp xã làm chủ đầu tư còn hạn chế, chưa quan tâm đúng mức đối với công tác quản lý dự án và thanh, quyết toán, việc phân công và phối hợp với các đơn vị có liên quan tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại quyết toán dự án hoàn thành chưa được thực hiện một cách triệt để và quyết liệt nhất, nên đến nay một số công trình quyết toán vi phạm thời gian quyết toán theo quy định.

+ Việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo của UBND các xã làm chủ đầu tư về quản lý dự án, thanh toán, quyết toán chưa đảm bảo quy định gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như việc tổng hợp, đôn đốc, theo dõi.

- Việc lưu trữ hồ sơ đầu tư tại các xã chưa đảm bảo khoa học, sắp xếp chưa theo đúng trình tự quy định.

IV. Một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công quý III năm 2020 như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và địa phương trong lĩnh vực đầu tư công như Công văn số 5999/UBND-KTTH ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc hướng dẫn phân bổ vốn và tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước năm 2020;

2. Tiếp tục thực hiện công tác vận động, đèn bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo thông tuyến để tổ chức triển khai thi công đảm bảo tiến độ.

3. Tập trung công tác quyết toán, giải ngân vốn đối với các dự án đã quyết toán hoàn thành được bố trí vốn trong kế hoạch năm 2020 để tất toán công trình và các dự án có vốn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020;

4. Tăng cường quản lý chất lượng, tiến độ thi công của từng dự án, lập kế hoạch chi tiết về tiến độ thực hiện, làm việc với các nhà thầu cam kết thực hiện đúng tiến độ với từng hạng mục dự án.

5. Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo kết quả đầu tư thanh toán, quyết toán vốn đầu tư định kỳ.

6. Hoàn thành báo cáo đánh giá quản lý vốn đầu tư 6 tháng đầu năm trình Hội đồng nhân dân huyện.

7. Hoàn thiện danh mục đầu tư năm 2021 trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, phê duyệt.

Trên đây là Thông báo công khai tình hình thực hiện kế hoạch danh mục đầu tư 6 tháng đầu năm 2020 trên địa bàn huyện Đăk Song./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thành Nghiem

DANH MỤC CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DANH MỤC ĐẦU TƯ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Kem theo Thông báo số 21/TCKH-DT ngày 6 tháng 6 năm 2020 của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đăk Song)



Đơn vị tính: Triệu đồng

| Số thứ tự | Danh mục công trình | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 | Bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Kế hoạch sau khi bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Đã giải ngân | | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------|
| | | | | | Lũy kế đến 15/6/2020 | Tỷ lệ giải ngân | |
| | TỔNG CỘNG | 113.887.31 | 8.499.99 | 131.837.91 | 60.451.41 | 46% | |
| A | Ngân sách huyện quản lý | 45.591.00 | 4.999.99 | 53.145.60 | 32.200.00 | 61% | |
| I | Vốn phân bổ trả nợ công trình hoàn thành trước 31/12/2019 (30 công trình) | 20.469.00 | 933.35 | 21.456.96 | 14.303.03 | 67% | |
| 1 | Đường giao thông liên xã Đăk Hòa Đăk Mol | 639.00 | | 693.23 | 201.40 | 29% | |
| 2 | Đường giao thông từ xã Đăk N'drung đi thôn 5 | 109.00 | | 109.38 | 16.06 | 15% | |
| 3 | Đường GT thôn 3 đi thôn Bùng Bình xã Nâm N'Jang | 700.00 | | 700.00 | 700.00 | 100% | |
| 4 | Trường TH Võ A Dính xã Thuận Hà , hạng mục: Nhà công vụ cho giáo viên | | 36.06 | 36.06 | 36.06 | 100% | |
| 5 | Trường TH Trung Vương xã Trường Xuân , hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng | | 81.72 | 81.72 | 81.72 | 100% | |
| 6 | Đường E29 xã Đăk Mol (giai đoạn 2) | 250.00 | 192.00 | 442.00 | 220.00 | 50% | |
| 7 | Đường giao thông thôn 7, xã Đăk N'Drung | 130.00 | | 130.00 | | 0% | |
| 8 | Chợ xã Nam Bình | 1.100.00 | -117.78 | 982.22 | 468.09 | 48% | |
| 9 | Đường GT thôn 8 xã Trường Xuân | 473.00 | | 473.00 | 176.87 | 37% | |
| 10 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành; hạng mục Nhà đa năng | 250.00 | | 250.00 | 125.00 | 50% | |
| 11 | Nhà văn hóa xã Trường Xuân | 123.00 | | 123.00 | | 0% | |
| 12 | Nhà làm việc Xã đội xã Đăk Hòa | | 246.82 | 246.82 | | 0% | |
| 13 | Đường giao thông thôn 2 xã Nam Bình | 983.00 | | 983.00 | 893.00 | 91% | |
| 14 | Trường Mẫu giáo Hoa Sen, hạng mục: Nhà hiệu bộ | 461.00 | | 461.00 | 125.69 | 27% | |
| 15 | Nhà làm việc xã đội xã Nam Bình | 273.00 | | 273.00 | 273.00 | 100% | |
| 16 | Trường TH Ngô Gia Tự , nhà lớp học 6 phòng | 1.127.00 | | 1.127.00 | 1.055.00 | 94% | |
| 17 | Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 đến thôn Đăk Sơn 1 | 395.00 | | 395.00 | 189.93 | 48% | |
| 18 | Nhà làm việc xã đội xã Đăk Mol | 268.00 | | 268.00 | 262.96 | 98% | |
| 19 | Via hè Quốc lộ 14 (giai đoạn 2) | 668.00 | -668.00 | 0.00 | | | |
| 20 | Đường giao thông thôn Đăk Lư đi thôn Bùng Bình | 1.606.00 | | 1.606.00 | 803.00 | 50% | |
| 21 | Trường TH Trần Quốc Toản, hạng mục: Nhà hiệu bộ | 267.00 | | 267.00 | 267.00 | 100% | |
| 22 | Đường giao thông thôn 2 di thôn 3 xã Thuận Hà (theo Quyết định 60/2007/TTg của Thủ tướng Chính phủ) | 1.911.00 | | 1.911.00 | 955.00 | 50% | |
| 23 | Nâng cấp đường liên xã từ thôn Thuận Hòa di QL 14C | 1.200.00 | | 1.200.00 | 600.00 | 50% | |
| 24 | Nhà văn hóa xã Thuận Hạnh | 761.00 | | 761.00 | 646.84 | 85% | |
| 25 | Trường THCS Nguyễn Du, hạng mục: Nhà đa năng, Nhà lớp học 4 phòng | 1.107.00 | | 1.107.00 | 1.103.28 | 100% | |
| 26 | Nâng cấp đường liên xã từ thị trấn Đức An đến cầu thôn 10 xã Đăk N'drung | 2.500.00 | 587.48 | 3.087.48 | 2.332.14 | 76% | |
| 27 | Đường giao thông từ ngã 3 thôn Đăk Kual 5 đến Dốc Voi xã Đăk N'drung | 900.00 | | 900.00 | 686.00 | 76% | |



| Stt | Danh mục công trình | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 | Bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Kế hoạch sau khi bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Đã giải ngân | | Ghi chú |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------|
| | | | | | Lũy kế đến 15/6/2020 | Tỷ lệ giải ngân | |
| 28 | Trường THCS Lý Thường Kiệt xã Đăk N'drungr ; hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng | 1.171.00 | | 1.171.00 | 1.067.00 | 91% | |
| 29 | Nhà làm việc phòng Văn hóa và Thông tin | | 575.05 | 575.05 | 0.00 | | |
| 30 | Trường THCS Lê Quý Đôn, nhà lớp học 6 phòng | 1.097.00 | | 1.097.00 | 1.018.00 | 93% | |
| II | Vốn phân bổ cho công trình chuyển tiếp năm 2020 (16 công trình) | 10.922.00 | 2.656.64 | 13.578.64 | 8.504.36 | 63% | |
| 1 | Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh, phân hiệu thôn Tân Bình II, hạng mục: Cổng, sân, tường rào | 250.00 | 285.53 | 535.53 | 125.00 | 23% | |
| 2 | Trường mẫu giáo Hoa sen, hạng mục: Nhà lớp học 3 phòng học, nhà bếp, nhà bảo vệ | 350.00 | 250.00 | 600.00 | 175.00 | 29% | |
| 3 | Trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, hạng mục: 06 phòng học, khu giáo dục thể chất. | 683.00 | | 683.00 | 581.00 | 85% | |
| 4 | Trường THCS Trần Phú, hạng mục: Nhà 03 phòng chức năng, nhà bảo vệ, khu giáo dục thể chất | 350.00 | 792.57 | 1.142.57 | 175.00 | 15% | |
| 5 | Sân bê tông trụ sở HĐND&UBND xã Nam Bình | 400.00 | | 400.00 | 350.78 | 88% | |
| 6 | Đường giao thông liên xã Nam Bình đi xã Thuận Hạnh | 700.00 | | 700.00 | 87.00 | 12% | |
| 7 | Nhà đa năng trường THCS Bé Văn Đàn, hạng mục: Nhà đa năng. | 300.00 | | 300.00 | 150.00 | 50% | X.H |
| 8 | Trường THCS Nguyễn Du, hạng mục: Khối nhà chức năng và nhà bảo vệ | 300.00 | 275.45 | 575.45 | 300.00 | 52% | |
| 9 | Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân, hạng mục: Khu giáo dục thể chất, nhà bảo vệ | 300.00 | 78.70 | 378.70 | 300.00 | 79% | HÒ CH HO |
| 10 | Trường tiểu học Kim Đồng, hạng mục: Khối nhà chứa năng 7 phòng, nhà bảo vệ, khu giáo dục thể chất, cổng tường rào | 700.00 | | 700.00 | 600.00 | 86% | |
| 11 | Nâng cấp đường từ QL14 đi Bon Bu Bơ Đăk Nông xã Trường Xuân, huyện Đăk Song | 2.000.00 | 250.00 | 2.250.00 | 1.901.46 | 85% | |
| 12 | Đường giao thông tổ dân phố 3, thị trấn Đức An, hạng mục: Nền, móng mặt đường và hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT. | 1.000.00 | 500.00 | 1.500.00 | 812.00 | 54% | 3 - T |
| 13 | Cổng, tường rào trụ sở HĐND&UBND thị trấn Đức An | 400.00 | 224.39 | 624.39 | 346.00 | 55% | |
| 14 | Huyện ủy Đăk Song, hạng mục: Nhà bảo vệ, nhà xe, cải tạo sân khấu hội trường. | 300.00 | | 300.00 | 230.00 | 77% | |
| 15 | Nhà lưu trữ UBND huyện Đăk Song | 2.689.00 | | 2.689.00 | 2.198.62 | 82% | |
| 16 | Trụ sở làm việc Đảng ủy – HĐND&UBND xã Đăk Mol, hạng mục: Nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ. | 200.00 | | 200.00 | 172.50 | 86% | |
| III | Vốn phân bổ cho công trình mở mới năm 2020 (17 công trình) | 13.900.00 | 1.410.00 | 17.810.00 | 8.463.73 | 48% | |
| III.1 | Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản (16 công trình) | 13.900.00 | 1.410.00 | 15.310.00 | 6.985.49 | 46% | |
| 1 | Via hè QL 14 đoạn qua trung tâm huyện Đăk Song | 950.00 | 480.00 | 1.430.00 | | 0% | |
| 2 | Đường giao thông TDP3 thị trấn Đức An (phía Nam) | 840.00 | 590.00 | 1.430.00 | 385.00 | 27% | |
| 3 | Nhà ở cán bộ chiến sỹ công an huyện Đăk Song | 1.100.00 | | 1.100.00 | 726.00 | 66% | |
| 4 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND thị trấn Đức An | 300.00 | 340.00 | 640.00 | | 0% | |
| 5 | Hạ tầng Kỹ thuật trụ sở Đảng ủy - HĐND&UBND xã Đăk Mol | 700.00 | | 700.00 | 637.80 | 91% | |
| 6 | Trường TH Lương Thế Vinh hạng mục Nhà lớp học 6 phòng | 1.200.00 | | 1.200.00 | 643.00 | 54% | |
| 7 | Đường giao thông Bon R'lông đi thôn 3A3 xã Đăk Mol | 310.00 | | 310.00 | 130.99 | 42% | |
| 8 | Trường TH Vừa A Dinh, hạng mục Khu nhà thể chất, sân bê tông | 350.00 | | 350.00 | 175.00 | 50% | |
| 9 | Trường THCS Bé Văn Đàn hạng mục Nhà chức năng 3 phòng, nhà bảo vệ, sân hàng rào | 850.00 | | 850.00 | 540.00 | 64% | |

| Số thứ tự | Danh mục công trình | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 | Bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Kế hoạch sau khi bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Đã giải ngân | | Ghi chú |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|------------------|-------------|---------|
| | | Lũy kế đến 15/6/2020 | Tỷ lệ giải ngân | | | | |
| 10 | Đường giao thông Đăk Kual 5 xã Đák N'Drung | 1.300.00 | | 1.300.00 | 622.00 | 48% | |
| 11 | Nhà hiệu bộ Trường THCS Lý Thường Kiệt | 550.00 | | 550.00 | 450.00 | 82% | |
| 12 | Trường TH Trương Vương, xã Trường Xuân, hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng, | 1.400.00 | | 1.400.00 | 860.00 | 61% | |
| 13 | Đường giao thông từ bon Jang Plei 3 di bon Jang Plei 2 xã Trường Xuân | 1.400.00 | | 1.400.00 | 675.70 | 48% | |
| 14 | Đường giao thông thôn 2 xã Nam Bình (giai đoạn 2) | 1.100.00 | | 1.100.00 | 435.00 | 40% | |
| 15 | Nâng cấp,cải tạo đường giao thông từ QL14 vào trụ sở UBND xã Nam Bình | 850.00 | | 850.00 | 705.00 | 83% | |
| 16 | Nâng cấp đường giao thông thôn Thuận Hưng - thôn Thuận Tỉnh xã Thuận Hạnh | 700.00 | | 700.00 | | 0% | |
| III.2 | Nguồn vốn sự nghiệp (1 công trình) | 0.00 | | 2.500.00 | 1.478.24 | 59% | |
| 1 | Sửa chữa cải tạo Huyện ủy huyện Đăk Song | | | 2.500.00 | 1.478.24 | 59% | |
| IV | Vốn phân bổ cho công trình chuẩn bị đầu tư (1 công trình) | 300.00 | | 300.00 | 0.00 | 0% | |
| 1 | Quảng trường trung tâm huyện Đăk Song | 300.00 | | 300.00 | | | |
| B | Vốn phân bổ ngân sách cấp tỉnh quản lý (9 công trình) | 51.450.00 | | 60.900.00 | 28.251.41 | 46% | |
| I | Vốn phân bổ ngân sách tỉnh giao trực tiếp (7 công trình) | 10.450.00 | | 19.900.00 | 3.467.08 | 17% | |
| I | Đối ứng NSTW, các công trình đã quyết toán trước 31/12/2015 | 1.950.00 | | 1.950.00 | 0.00 | 0% | |
| 1.1 | Công trình thủy lợi Đăk Lép xã Đák N'drung (thuộc cụm công trình thủy lợi Đăk Rláp- Đăk Song) | 136.00 | | 136.00 | | | |
| 1.2 | Công trình thủy lợi Đăk Nhai xã Trường Xuân (thuộc cụm công trình thủy lợi Đăk Rláp- Đăk Song) | 134.00 | | 134.00 | | | |
| 1.3 | Công trình thủy lợi Đăk Kuăl xã Đák N'drung (thuộc cụm công trình thủy lợi Đăk Rláp- Đăk Song) | 312.00 | | 312.00 | | | |
| 1.4 | Công trình hồ chứa nước Thuận Tân xã Thuận Hạnh huyện Đăk Song | 134.00 | | 134.00 | | | |
| 1.5 | Công trình thủy lợi Đăk Cai xã Trường Xuân | 159.00 | | 159.00 | | | |
| 1.6 | Công trình thủy lợi Đăk Toa xã Thuận Hạnh (thuộc cụm công trình thủy lợi Đăk Rláp- Đăk Song) | 728.00 | | 728.00 | | | |
| 1.7 | Nâng cấp sửa chữa công trình thủy lợi Đăk Mruong xã Thuận Hạnh | 347.00 | | 347.00 | | | |
| 2 | Vốn phân bổ công trình chuyển tiếp năm 2020 (2 công trình) | 8.500.00 | | 8.500.00 | 3.467.08 | 41% | |
| 2.1 | Đường giao thông liên xã Thuận Hà- Đák N'drung | 1.000.00 | | 1.000.00 | 721.16 | | |
| 2.2 | Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh | 7.500.00 | | 7.500.00 | 2.745.92 | | |
| II | Vốn phân bổ ngân sách Trung ương (2 công trình) | 41.000.00 | | 41.000.00 | 24.784.33 | 60% | |
| I | Chương trình phát triển KTXH vùng (1 công trình) | 21.000.00 | | 21.000.00 | 21.230.26 | 101% | |
| a | Công trình hoàn thành trước 31/12/2019 | | | 0.00 | 0.00 | 0% | |
| b | Công trình chuyển tiếp năm 2020 (1 công trình) | 21.000.00 | | 21.000.00 | 21.230.26 | 1.01 | |
| 1 | Đường vành đai phía Đông huyện Đăk Song | 21.000.00 | | 21.000.00 | 21.230.26 | 101.10% | |
| 2 | Chương trình bảo vệ quốc phòng an ninh (1 công trình) | 20.000.00 | | 20.000.00 | 3.554.07 | 18% | |
| a | Công trình hoàn thành trước 31/12/2019 | | | 0.00 | 0.00 | 0% | |
| b | Công trình chuyển tiếp năm 2020 (1 công trình) | 20.000.00 | | 20.000.00 | 3.554.07 | 18% | |
| 1 | Đường giao thông từ Đồn biên phòng 765 di thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh | 20.000.00 | | 20.000.00 | 3.554.07 | | |
| | Vốn bổ sung có mục tiêu năm 2020 của UBND tỉnh (3 công trình) | | | 6.450.00 | | | |

| Stt | Danh mục công trình | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 | Bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Kế hoạch sau khi bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Đã giải ngân | | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------------------|
| | | | | | Lũy kế đến 15/6/2020 | Tỷ lệ giải ngân | |
| 1 | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND huyện Đăk Song, hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng, nhà công vụ | | | 3.450 | | | 3 tỷ tinh hỗ trợ, 0,45 tỷ NS huyện |
| 2 | Nâng cấp sửa chữa đường giao thông từ trung tâm xã Thuận Hạnh đi đồn 765 huyện Đăk Song | | | 3.000 | | | |
| | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | | | 3.000.00 | | | |
| 1 | Sửa chữa nâng cấp tuyến đường giao thông từ thị trấn Đức An đi xã Đăk N'Drung (giai đoạn 2) | | | 3.000 | | | |
| | Vốn phân bổ Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 (35 công trình) | 14.292.31 | 3.500.00 | 17.792 | | | |
| A | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (28 công trình) | 12.498.31 | 3.500.00 | 15.998 | 0.80 | 5% | |
| I | Xã Thuận Hà (18 công trình) | 9.746.00 | 3.500.00 | 13.246 | | | |
| 1 | Đường giao thông thôn 5 (trục 2) | 982 | | 982 | | | |
| 2 | Đường giao thông thôn 2 (từ nhà ông Quý đến nhà ông Hưng) | 1.270 | | 1.270 | | | |
| 3 | Đường giao thông thôn 2 (từ nhà ông Lai đến nhà ông Hòa) | 289 | | 289 | | | |
| 4 | Đường giao thông thôn 2 (trục 2) | 577 | | 577 | | | |
| 5 | Đường giao thông thôn 2 (trục 1 từ nhà ông Nguyễn Văn Ngà đến nhà ông Nguyễn Văn Dũng) | 1.154 | | 1.154 | | | |
| 6 | Đường giao thông thôn 2 di thôn 5 | 490 | | 490 | | | |
| 7 | Đường giao thông thôn 5 | 577 | | 577 | | | |
| 8 | Đường giao thông Bản Đầm Giò (đoạn từ nhà ông Lý Dào Phâu) | 317 | | 317 | | | |
| 9 | Đường giao thông Bản Đầm Giò (từ nhà ông Thành đi Trường Mẫu giáo Hoa Ban) | 317 | | 317 | | | |
| 10 | Đường giao thông Thôn 7 (Đập Đăk Toa) | 202 | | 202 | | | |
| 11 | Đường giao thông thôn 3 (đoạn nhà ông Tô Đình Táp) | 865 | | 865 | | | |
| 12 | Nhà Văn hóa xã | 1.287 | | 1.287 | | | |
| 13 | Đèn bù GPMB | 557 | | 557 | | | |
| 14 | Hội trường Bản Đầm Giò | 474 | | 474 | | | |
| 15 | Khu Vui chơi giải trí | 388 | | 388 | | | |
| 16 | Xây mới 4 phòng học trường TH&THCS Bé Văn Đàn (phân hiệu I) | | 2.000.00 | 2.000 | | | |
| 17 | Sửa chữa 10 phòng học, cổng tường rào trường TH&THCS Bé Văn Đàn (phân hiệu I) | | 1.058.00 | 1.058 | | | |
| 18 | Xây mới 1 phòng học trường TH&THCS Bé Văn Đàn (phân hiệu II) | | 442.00 | 442 | | | |
| II | Xã Trường Xuân (2 công trình) | 581 | | 581 | | | |
| 1 | Đường giao thông thôn Bon Jang Play 3 (đoạn nhà ông Hiền đến thôn 1) | 331 | | 331 | | | |
| 2 | Nâng cấp hệ thống loa dài | 250 | | 250 | | | |
| III | Xã Đăk Hòa (3 công trình) | 845 | | 845 | | | |
| 1 | Đường giao thông thôn Rừng Lạnh (Trục 2) | 435 | | 435 | | | |
| 2 | Nâng cấp nhà văn hóa thôn Rừng Lạnh | 160 | | 160 | | | |
| 3 | Nâng cấp hệ thống loa dài | 250 | | 250 | | | |
| IV | Xã Đăk Môl (2 công trình) | 555 | | 555 | | | |
| 1 | Đường giao thông thôn E29 (TT xã Đăk Môl đi các thôn E29) | 305 | | 305 | | | |

| Stt | Danh mục công trình | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2020 | Bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Kế hoạch sau khi bổ sung điều chỉnh vốn năm 2020 | Đã giải ngân | | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------|---------|
| | | | | | Lũy kế đến 15/6/2020 | Tỷ lệ giải ngân | |
| 2 | Nâng cấp hệ thống loa dài | 250 | | 250 | | | |
| V | Xã Nâm N'Jang (1 công trình) | 131 | | 131 | | | |
| 1 | Đường giao thông thôn 3 | 131 | | 131 | | | |
| VI | Xã Đăk N'Drung (2 công trình) | 640 | | 640 | | | |
| 1 | Hội trường thôn Đăk Kual 5 | 390 | | 390 | | | |
| 2 | Nâng cấp hệ thống loa dài | 250 | | 250 | | | |
| B | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2020 (7 công trình) | 1.794 | | 1.794 | | | |
| I | Xã Thuận Hạnh (1 công trình) | 500 | | 500 | | | |
| 1 | Đường giao thông liên thôn Thuận Bắc đi thôn Thuận Trung | 500 | | 500 | | | |
| II | Xã Thuận Hà (2 công trình) | 500 | | 500 | | | |
| 1 | Nâng cấp hệ thống loa dài | 250 | | 250 | | | |
| 2 | Môi trường | 250 | | 250 | | | |
| III | Xã Trường Xuân (3 công trình) | 522 | | 522 | | | |
| 1 | Đường giao thông nông thôn nội vùng Bon Bu Păh, xã Trường Xuân (từ cầu dốc voi đến nhà ông Nguyễn Đình Việt) | 174 | | 174 | | | |
| 2 | Đường giao thông nông thôn nội vùng Bon Dinh Plei, xã Trường Xuân (từ nhà ông Y Lương đến nhà ông Đào Văn Trung) | 174 | | 174 | | | |
| 3 | Đường giao thông nội vùng Bon N'Jang Bơ, xã Trường Xuân (từ ngã ba Sơn Kỳ đến nhà ông Hoàng Văn Mạch) | 174 | | 174 | | | |
| IV | Xã Đăk N'Drung (1 công trình) | 174 | | 174 | | | |
| 1 | Đường giao thông nông thôn Bon Bu N'Drung (từ đầu đường chính đến nhà ông Điều N'Grôl) | 174 | | 174 | | | |
| V | Vốn còn chưa phân bổ | 98 | | 98 | | | |